BỘ XÂY DỰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 12/2019/TT-BXD	----------
	Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2019

THÔNG TƯ

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng,

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này áp dụng các quy định của Thông tư này.

1. Góp phần nâng cao năng suất ngành xây dựng, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế trong đầu tư xây dựng và phát triển đô thị, góp phần chống thất thoát, làng phí trong đầu tư xây dựng.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân chịu trách nhiệm pháp lý đối với các thông tin, dừ liệu do mình cung cấp, cập nhật cho hệ thống cơ sở dừ liệu.

1. Các thông tin, dữ liệu về định mức xây dựng bao gồm:

a) Định mức sử dụng vật liệu;

b) Định mức năng suất lao động;

c) Định mức năng suất máy và thiết bị thi công;

d) Định mức dự toán xây dựng công trình;

đ) Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

e) Định mức chi phí gián tiếp.

b) Giá vật liệu xây dựng;

c) Đơn giá nhân công xây dựng;

d) Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

3. Các thông tin, dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng bao gồm:

a) Thông tin dự án;

b) Tổng mức đầu tư;

c) Dự toán xây dựng công trình;

d) Giá trúng thầu;

đ) Giá hợp đồng;

e) Giá quyết toán.

5. Chi tiết thông tin, dữ liệu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 5. Thu thập và cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Yêu cầu đối với các thông tin, dữ liệu cung cấp vào hệ thống cơ sở dữ liệu, cụ thể như sau:

a) Đối với các số liệu từ các báo cáo định kỳ và đột xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có xác nhận của người có thẩm quyền ban hành.

b) Đối với các số liệu lấy từ kết quả điều tra, khảo sát phải được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu.

c) Các thông tin, dữ liệu cung cấp cho hệ thống cơ sở dữ liệu được thể hiện dưới dạng văn bản kèm theo tệp dữ liệu điện tử (file); các tệp dữ liệu điện tử phải theo đúng hình thức, biểu mẫu quy định tại các Phụ lục của Thông tư này.

6. Các thông tin, dữ liệu phải đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình của từng khu vực. Khi có chỉnh sửa, bổ sung đối với số liệu đã gửi hoặc số liệu trong kỳ gửi có biến động khác thường thì cơ quan, tổ chức phải gửi các thuyết minh bằng tài liệu điện tử hoặc văn bản cho cơ quan quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu.

7. Chế độ cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu:

c) Chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các chủ thể có liên quan thực hiện các dự án sử dụng vốn nhà nước, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) có trách nhiệm: Cung cấp các thông tin, dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này trong vòng 10 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt; cung cấp các thông tin, dữ liệu về hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này trong vòng 10 ngày kể từ khi ký kết hợp đồng; cung cấp thông tin, dữ liệu về giá trị quyết toán trong vòng 10 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán công trình, dự án.

d) Các cá nhân, tổ chức có hoạt động liên quan đến lĩnh vực quản lý chi phí đầu tư xây dựng thu thập, tổng hợp và cung cấp các thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 của Thông tư này theo lĩnh vực hoạt động của mình khi có phát sinh thông tin, dữ liệu mới.

Điều 6. Tổng hợp, xử lý, cập nhật và công bố thông tin, dữ liệu của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu có trách nhiệm định kỳ tổng hợp, cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu các thông tin do các đơn vị, cá nhân quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 5 của Thông tư này cung cấp.

2. Cập nhật, tổng hợp thông tin, dữ liệu thực hiện theo các bước sau:

a) Tiếp nhận thông tin, dữ liệu; kiểm tra; sàng lọc.

b) Phân loại thông tin, dữ liệu theo nội dung cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

c) Thực hiện việc cập nhật, tổng hợp thông tin, dữ liệu bằng ứng dụng/phần mềm do Bộ Xây dựng quy định.

d) Kiểm tra kết quả cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu.

3. Đối với các thông tin, dữ liệu do tổ chức, cá nhân cung cấp, trong trường hợp cần thiết thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiếp nhận, xử lý thông tin, dữ liệu thành lập hội đồng tư vấn có thành phần là các chuyên gia, nhà quản lý có kinh nghiệm đế kiểm tra, đánh giá thông tin, dữ liệu đó.

4. Trong quá trình xử lý các thông tin, trường hợp phát hiện các sai sót, không phù hợp về thông tin, dữ liệu được cung cấp, đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm làm rõ, giải trình và chỉnh sửa, cung cấp cho cơ quan, đơn vị được giao xử lý thông tin, dữ liệu.

b) Các thông tin, dữ liệu khác được công bố, cập nhật định kỳ hàng tháng, quý.

Điều 7. Lưu trữ, bảo quán thông tin, dữ liệu

1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu phải có các biện pháp quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục hệ thống và nội dung dữ liệu; bảo đảm bảo mật cho hệ thống ứng dụng và các cơ sở dữ liệu của hệ thống gồm an toàn bảo mật mức cơ sở dữ liệu, mức hệ thống và ứng dụng, mức vật lý.

2. Cơ quan quán lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin đề bảo đảm việc lưu trừ dữ liệu an toàn trong cơ sở dữ liệu về các mặt:

a) Lưu trữ vật lý: bảo đảm hệ thống luôn được hoạt động ổn định.

b) Tổ chức logic: số liệu cần đảm bảo an toàn theo đúng các nguyên tắc, định dạng các hệ cơ sở dữ liệu, tránh các hiện tượng cố tình làm hỏng các tổ chức logic của dữ liệu.

c) Bảo đảm việc an toàn thông tin trên mạng, chống việc thất thoát thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu.

d) Dữ liệu số được lưu trữ trên máy chủ, bảo đảm chống truy nhập trái phép thông qua hệ thống báo mật với các biện pháp và kỹ thuật tiên tiến.

3. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu phải có biện pháp bảo đảm tính toàn vẹn của thông tin, dữ liệu, định kỳ kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử.

4. Sao lưu dữ liệu:

a) Các dữ liệu lưu giữ trong cơ sở dữ liệu phải được sao chép vào các thiết bị lưu trữ thông tin theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật.

b) Dữ liệu phải được thường xuyên sao chép và lưu trữ theo quy định.

Điều 8. Chế độ bảo mật thông tin, dữ liệu

1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu và an ninh mạng.

2. Việc in, sao, chụp, giao nhận, truyền dữ liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu phải tuân theo quy định về bảo mật thông tin, dừ liệu.

3. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu xây dựng quy định cụ thể về quyền truy cập, cập nhật các thông tin, dữ liệu.

4. Cá nhân thực hiện cập nhật, khai thác cơ sở dừ liệu được cấp quyền truy cập, cập nhật nhất định trong từng thành phần dừ liệu, bảo đảm việc quản lý chặt chẽ đối với quyền truy cập thông tin trong hệ thống cơ sở dừ liệu.

Điều 9. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu có trách nhiệm:

a) Truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

b) Chỉ được khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trong phạm vi được cấp, không xâm nhập trái phép vào hệ thống cơ sở dữ liệu; sử dụng thông tin, dữ liệu đúng mục đích.

c) Quản lý nội dung các thông tin, dữ liệu đã khai thác, không được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác trừ trường hợp được phép của cơ quan quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu.

đ. Tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; Luật An ninh mạng; chịu trách nhiệm về sai phạm trong khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Xây dựng:

đ) Hướng dẫn nội dung, phương pháp xây dựng cơ sở dữ liệu; sử dụng hệ thống phần mềm quán lý cơ sở dữ liệu; cách thức cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu từ các bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các chủ thể có liên quan;

2. Cục Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng:

3. Các bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương:

6. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các chủ thể có liên quan thực hiện các dự án sử dụng vốn nhà nước, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) có trách nhiệm cung cấp thông tin về dữ liệu đấu thầu, dữ liệu quyết toán công trình, dự án cho cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp quy định tại Điều 5 của Thông tư này để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2020.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các Tổng công ty nhà nước;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, PC, Cục KTXD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Đã ký
Bùi Phạm Khánh